

Số: 15/2023/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

V/v Quy định nội dung chi, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Căn cứ Kết luận số 858-KL/TU ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy định nội dung chi, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Xét Tờ trình số 298/TTr-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Đề nghị ban hành Quy định nội dung chi, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng và nguyên tắc áp dụng, nội dung chi, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết áp dụng đối với các cơ quan quản lý giáo dục, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị và tổ chức kỳ thi, cuộc thi, hội thi.

3. Nguyên tắc áp dụng

a) Mức chi quy định tại Nghị quyết này được thực hiện cho những ngày thực tế làm việc trong thời gian tổ chức các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với lĩnh vực giáo dục và các văn bản quy định hiện hành.

c) Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi và nguồn kinh phí

1. Nội dung chi, mức chi phục vụ các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

a) Chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi

- Chi thuê địa điểm làm việc cho Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi (nếu có);

- Chi thuê địa điểm thi, địa điểm làm phách, chấm thi (nếu có);

- Chi mua, thuê, vận chuyển, lắp đặt, gia công, kiểm tra các dụng cụ, nguyên vật liệu, trang thiết bị, vật tư, văn phòng phẩm phục vụ ra đề, in sao đề thi, tổ chức thi, làm phách, chấm thi, phúc khảo; chi in ấn các tài liệu, giấy chứng nhận, thẻ phục vụ công tác tổ chức thi, chấm thi...

b) Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra trước và sau khi thi; chi tiền ở, đi lại cho những người tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi; mức chi theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và các quy định hiện hành.

c) Chi tiêu công cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ trong công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)

d) Đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo khác được các cấp có thẩm quyền phê duyệt chưa quy định tại Nghị quyết này, mức chi cụ thể tương ứng với nội dung chi tại Điểm c, khoản 1 Điều 2 được quy định cụ thể như sau:

- Kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp tỉnh tổ chức được áp dụng bằng 80% mức chi tại Nghị quyết này;

- Kỳ thi, cuộc thi, hội thi do cấp huyện tổ chức được áp dụng bằng 70% mức chi tại Nghị quyết này.

2. Nguồn kinh phí cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi được sử dụng từ nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục và nguồn thu hợp pháp của đơn vị.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu lạc bộ thể thao, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khóa XIX, kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 05 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Đảng ủy Khối CCQ&DN tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo; Đài PTTH; Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: CVP, CV phòng CT.HĐND, lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Chung

PHỤ LỤC

Nội dung chi, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
	Các kỳ thi: Tuyển sinh vào lớp 10, tốt nghiệp THPT, lập đội tuyển học sinh giỏi tham dự thi chọn học sinh giỏi quốc gia, chọn học sinh giỏi quốc gia, chọn học sinh giỏi cấp tỉnh		
1	Tiền công ra đề thi		
1.1	Xây dựng ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên)		
	- Chủ trì (Chủ tịch, Phó Chủ tịch)	Người/ngày	550
	- Các thành viên	Người/ngày	400
1.2	Ra đề thi đề xuất đối với đề thi tự luận		
	- Thi lập đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi Quốc gia	Đề theo phân môn	900
	- Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Đề	700
	- Thi tuyển sinh vào lớp 10 (hệ Chuyên)	Đề	600
	- Thi tuyển sinh vào lớp 10 (hệ đại trà)	Đề	500
1.3	Ra đề thi chính thức và dự bị có kèm theo đáp án, biểu điểm		
	- Thi lập đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia	Người/ngày	700
	- Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh	Người/ngày	600
	- Thi tuyển sinh vào lớp 10 (hệ Chuyên)	Người/ngày	600
	- Thi tuyển sinh vào lớp 10 (hệ đại trà)	Người/ngày	500
2	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi		
2.1	Xây dựng ma trận đề thi và phê duyệt ma trận đề thi, bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên)		
	- Chủ trì (Chủ tịch, Phó Chủ tịch)	Người/ngày	550
	- Các thành viên	Người/ngày	400
2.2	Soạn thảo, rà soát, chọn lọc thẩm định, chỉnh sửa và biên tập câu hỏi		
	- Soạn thảo câu hỏi thô	Câu	56
	- Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	48
	- Chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	40
	- Chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	28
	- Rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi theo hướng chuẩn hoá	Câu	8
2.3	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm (Chủ trì; các thành viên)		
	- Chủ trì	Người/ngày	550
	- Các thành viên	Người/ngày	400
2.4	Phân tích kết quả thi thử nghiệm theo từng đề thi		
		Báo cáo/môn	1000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
3	Tiền công cho các chức danh là thành viên các Hội đồng/Ban/Tổ		
3.1	Ban chỉ đạo/Hội đồng thi		
	- Trưởng ban/Chủ tịch	Người/ngày	600
	- Phó trưởng ban/Phó chủ tịch	Người/ngày	500
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	350
	- Công an, bảo vệ, phục vụ	Người/ngày	230
3.2	Ban Thư ký/Tổ thư ký Kỳ thi		
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	550
	- Phó trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	450
	- Ủy viên	Người/ngày	350
3.3	Hội đồng/Ban ra đề thi		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	600
	- Các Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	500
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400
	- Ủy viên, thư ký, công an vòng ngoài	Người/ngày	250
	- Công an, bảo vệ, giám sát vòng trong	Người/ngày	350
	- Bảo vệ, phục vụ,... vòng ngoài	Người/ngày	230
3.4	Hội đồng/Ban in sao đề thi		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	550
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên, thư ký, giám sát vòng trong	Người/ngày	350
	- Ủy viên, thư ký, công an vòng ngoài	Người/ngày	250
	- Công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	350
	- Bảo vệ, phục vụ ...vòng ngoài	Người/ngày	230
3.5	Thành viên vận chuyển và bàn giao đề thi/bài thi		
	- Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	400
	- Thành viên	Người/ngày	350
3.6	Hội đồng/Ban coi thi		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	550
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi (giám thị), giám sát, công an làm nhiệm vụ trực bảo vệ đề, bài thi	Người/ngày	350
	- Công an, bảo vệ, phục vụ, y tế	Người/ngày	230
3.7	Điểm thi		
	- Trưởng điểm	Người/ngày	450
	- Phó trưởng điểm	Người/ngày	400
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ coi thi (giám thị), giám sát, công an làm nhiệm vụ trực bảo vệ đề, bài thi	Người/ngày	350
	- Công an, bảo vệ, phục vụ, y tế	Người/ngày	230

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (nghìn đồng)
3.8	Hội đồng/Ban/Tổ làm phách		
	- Chủ tịch/Trưởng ban/Tổ trưởng	Người/ngày	550
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban/Tổ phó	Người/ngày	450
	- Ủy viên, thư ký, giám sát, công an vòng trong	Người/ngày	350
	- Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ vòng ngoài	Người/ngày	230
3.9	Các Hội đồng/Ban: Chấm thi, phúc khảo, thẩm định		
	- Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	550
	- Phó chủ tịch/Phó trưởng ban	Người/ngày	450
	- Ủy viên, thư ký, cán bộ giám sát, công an làm nhiệm vụ trực bảo vệ bài thi	Người/ngày	350
	- Cán bộ chấm thi, chấm kiểm tra, chấm thẩm định, chấm phúc khảo	Người/ngày	500
	- Công an, bảo vệ, y tế, phục vụ	Người/ngày	230
	- Tổ trưởng, tổ phó tổ chấm (ngoài tiền công chấm thi)	Người/Đợt	300
4	Công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi; Giám sát hoạt động đoàn thanh tra		
	- Trưởng đoàn/Tổ trưởng giám sát	Người/ngày	550
	- Phó trưởng đoàn	Người/ngày	450
	- Ủy viên, thư ký	Người/ngày	400
	- Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	400
5	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ		
5.1	Chi tiền ăn, tiền giải khát giữa giờ cho thành viên trong các Hội đồng/Ban ra đề thi, Hội đồng/Ban in sao đề thi; Hội đồng/Ban/Tổ làm phách trong những ngày làm việc tập trung cách ly		
	- Tiền ăn trong thời gian thực tế ra đề thi; in sao đề thi; làm phách	Người/ngày	225
	- Tiền ăn trong thời gian cách ly còn lại mà không phải trực tiếp làm nhiệm vụ ra đề thi; in sao đề thi; làm phách	Người/ngày	150
	- Giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác ra đề, sao in đề, làm phách	Người/ngày	40
5.2	Chi tiền ăn, giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có)		
	- Tiền ăn cho công tác tổ chức thi và chấm thi (nếu có)	Người/ngày	150
	- Giải khát giữa giờ cho các thành viên tham gia công tác tổ chức thi và chấm thi	Người/ngày	20
